TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2025/HNGĐ–ST

Ngày: 31-12-2025

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tường Vi

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Hữu Văn –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú– Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2025/TLST–HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1994, địa chỉ: 19/1 ấp AB 1, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1994, địa chỉ: 19/1 ấp AB1, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc L:

Hôn nhân của chị L và anh T là tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình đồng ý và tiến đến hôn nhân, chị L và anh T có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P tỉnh Bến Tre (xã P, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 27/02/2015. Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, sau một thời chung sống hai vợ

chồng thường xuyên mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống với nhau, anh T có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; hiện chị L và anh T không còn sống chung khoảng 06 tháng. Vì vậy, nay chị L làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Lê Văn T, chị L không yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh T có con chung Lê Nguyễn Nguyệt Vy, sinh ngày 24/11/2016 và con chung hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Lê Văn T vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc L và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Lê Văn T. Chị L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Nguyệt Vy, sinh ngày 24/11/2016 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, các đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006290 ngày 17/10/2025 là đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Lê Văn T có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 19/1 ấp AB1, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[3] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Trúc L có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Lê Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt hai lần không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh T.

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/02/2015. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị L và anh T được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị L xin ly hôn với anh T là do thời gian đầu sau khi kết hôn chị L và anh T cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, sau một thời chung sống hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống với nhau, anh T có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; hiện chị L và anh T không còn sống chung khoảng 06 tháng. Anh T được Toà án triệu trập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng cho thấy anh không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với chị L. Tòa án đã tạo điều kiện để chị L và anh T hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ

Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Lê Văn T trong quá trình sống chung có 01 con chung tên Lê Nguyễn Nguyệt V, sinh ngày 24/11/2016. Chị Nguyễn Thị Trúc L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy: cháu Lê Nguyễn Nguyệt V đang sống chung với chị L; cháu Vy được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, được đi học và phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Đồng thời, tại Biên bản lấy ý kiến của cháu Lê Nguyễn Nguyệt V ngày 28/11/2025 tại Tòa án thì cháu V có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, nhằm bảo đảm sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, hạn chế sự xáo trộn về môi trường sống cho con chung Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung là cháu Lê Nguyễn Nguyệt V, sinh ngày 24/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Trúc L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58 và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị L không có yêu cầu.

[6] Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn do chị L không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Nguyễn Thị Trúc L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc L. Chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Lê Văn T. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn do các bên không có yêu cầu.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Nguyễn Nguyệt V, sinh ngày 24/11/2016. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4.Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Trúc L phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006290 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9-Vĩnh Long) và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Phòng THADS khu vực 9-Vĩnh Long;
- UBND xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Tùng-Lê Khắc Hiệp **Nguyễn Thị Tơ**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thanh Hùng-Mai Văn Thắng **Nguyễn Thị Tơ**

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Nhơn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tơ